

**PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT****ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH****ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH HÀ NAM****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/2012/QĐ-UBND

*Hà Nam, ngày 10 tháng 01 năm 2012***QUYẾT ĐỊNH****V/v ban hành Quy định về thực hiện đăng ký giá, kê khai giá  
trên địa bàn tỉnh Hà Nam****ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân đã được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh giá số 40/2002/PL-UBTVQH10 ngày 26 tháng 4 năm 2002 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25 tháng 10 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Pháp lệnh Giá; Nghị định số 75/2008/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2008 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25 tháng 10 năm 2003 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 104/2008/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25 tháng 10 năm 2003 và Nghị định số 75/2008/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ; Thông tư số 122/2010/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung Thông tư số 104/2008/TT-BTC;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số:875 /TTr-STC ngày 10 tháng 11 năm 2011,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định về thực hiện đăng ký giá, kê khai giá trên địa bàn tỉnh Hà Nam”.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH  
CHỦ TỊCH  
Mai Tiến Dũng**

**QUY ĐỊNH****Về thực hiện đăng ký giá, kê khai giá trên địa bàn tỉnh Hà Nam***(Ban hành kèm theo Quyết định số 01/2012/QĐ-UBND**ngày 10 tháng 01 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam)***Chương I  
QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng****1. Phạm vi điều chỉnh:**

Quy định này cụ thể hoá một số nội dung về thực hiện đăng ký giá, kê khai giá trên địa bàn tỉnh.

Các nội dung khác không quy định trong Quy định này thì thực hiện theo Pháp lệnh giá số 40/2002/PL-UBTVQH10 ngày 26 tháng 4 năm 2002 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25/10/2003 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Pháp lệnh Giá; Nghị định số 75/2008/NĐ-CP ngày 09/6/2008 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25/10/2003 của Chính phủ; Thông tư số 104/2008/TT-BTC ngày 13/11/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25/10/2003 và Nghị định số 75/2008/NĐ-CP ngày 09/6/2008 của Chính phủ; Thông tư số 122/2010/TT-BTC ngày 12/8/2010 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung Thông tư số 104/2008/TT-BTC và quy định của pháp luật có liên quan.

**2. Đối tượng áp dụng:**

a) Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Hà Nam căn cứ Quy định này để thực hiện đăng ký giá, kê khai giá hàng hóa, dịch vụ và các biện pháp quản lý giá theo quy định của pháp luật.

b) Cơ quan quản lý nhà nước theo thẩm quyền, căn cứ quy định tại Quy định này để tiếp nhận, giám sát, kiểm tra việc thực hiện đăng ký giá, kê khai giá, chấp hành pháp luật nhà nước về giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh.

c) Trường hợp Điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập có quy định về giá đối với các tổ chức, cá nhân nước ngoài sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam khác với quy định tại Quy định này thì áp dụng theo quy định của Điều ước quốc tế đó.

**Chương II  
QUY ĐỊNH CỤ THỂ****Điều 2. Danh mục hàng hóa, dịch vụ phải đăng ký giá, kê khai giá**

1. Hàng hóa, dịch vụ phải đăng ký giá quy định tại Phụ lục 1 kèm theo Quy định này.

2. Hàng hóa, dịch vụ phải kê khai giá quy định tại Phụ lục 2 kèm theo Quy định này.

**Điều 3. Thời điểm, hình thức, nội dung và biểu mẫu thực hiện đăng ký giá, kê khai giá**

Thời điểm, hình thức, nội dung và biểu mẫu thực hiện đăng ký giá, kê khai giá thực hiện theo nội dung Thông tư số 122/2010/TT-BTC ngày 12/8/2010 của Bộ Tài chính.

**Điều 4. Quyền hạn và trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân**

1. Đối với cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu đăng ký giá: Thực hiện theo quy định tại khoản 5.1 mục 5 Điều 7 Thông tư 122/2010/TT-BTC ngày 12/8/2010 của Bộ Tài chính.

2. Đối với cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu kê khai giá: Thực hiện theo quy định tại khoản 5.1 mục 5 Điều 8 Thông tư 122/2010/TT-BTC ngày 12/8/2010 của Bộ Tài chính.

3. Sở Tài chính chủ trì tiếp nhận Biểu mẫu đăng ký giá, kê khai giá của các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên chuyển đổi từ Tổng công ty nhà nước, công ty nhà nước độc lập trực thuộc các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thuộc các thành phần kinh tế khác có trụ sở chính đóng trên địa bàn tỉnh sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục phải đăng ký giá, kê khai giá theo quy định này (trừ những hàng hoá, dịch vụ thực hiện đăng ký giá, kê khai giá theo hướng dẫn riêng của liên Bộ Tài chính và Bộ quản lý chuyên ngành, hoặc hướng dẫn của Bộ quản lý chuyên ngành theo thẩm quyền).

Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan đóng trên địa bàn tỉnh báo cáo Ủy ban Nhân dân tỉnh quyết định và thông báo cụ thể danh sách các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh đóng trên địa bàn tỉnh thực hiện đăng ký giá, kê khai giá cho phù hợp trong từng thời kỳ.

4. Đối với tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh đăng ký giá, kê khai giá:

Thực hiện theo quy định tại khoản 5.2 mục 5 Điều 7 và khoản 5.2 mục 5 Điều 8 Thông tư 122/2010/TT-BTC ngày 12/8/2010 của Bộ Tài chính.

Biểu mẫu kê khai giá, đăng ký giá được lập 2 bộ: 1 bộ gửi cơ quan tiếp nhận kê khai giá, đăng ký giá; 1 bộ lưu tại đơn vị (trừ những loại hàng hoá, dịch vụ phải kê khai giá, đăng ký giá mà Liên Bộ hoặc Bộ quản lý chuyên ngành đã có quy định khác).

**Chương III  
TỔ CHỨC THỰC HIỆN****Điều 5. Tổ chức thực hiện**

1. Sở Y tế trình UBND tỉnh quyết định và thông báo danh sách các doanh nghiệp thuộc đối tượng kê khai giá cho phù hợp trong từng thời kỳ: Thuốc phòng, chữa bệnh cho người. Đồng thời có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh thuộc đối tượng kê khai giá thực hiện đúng quy định tại Quy định này và theo quy định tại Thông tư liên tịch số: 11/2007/TTLT-BYT-BTC-BCT ngày 31 tháng 3 năm 2007 của Liên Bộ Y tế - Bộ Tài chính - Bộ Công Thương hướng dẫn thực hiện quản lý nhà nước về giá thuốc phòng, chữa bệnh cho người và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

2. Sở Giao thông & Vận tải trình UBND tỉnh quyết định và thông báo danh sách các doanh nghiệp thuộc đối tượng kê khai giá cho phù hợp trong từng thời kỳ: Giá cước vận tải bằng ô tô. Đồng thời có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh thuộc đối tượng kê khai giá thực hiện đúng quy định tại Quy định này và theo quy định tại Thông tư liên tịch của Liên Bộ Tài chính – Bộ Giao thông & Vận tải hướng dẫn thực hiện giá cước vận tải đường bộ và giá dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

3. Sở quản lý chuyên ngành phối hợp với Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định và thông báo cụ thể danh sách các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh đóng trên địa bàn tỉnh thực hiện đăng ký giá, kê khai giá cho phù hợp trong từng thời kỳ.

4. Sở Công thương phối hợp với Sở Tài chính hướng dẫn, đôn đốc kiểm tra các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thuộc đối tượng đăng ký giá, kê khai giá thực hiện đúng quy định tại Quy định này.

5. Sở Tài chính hướng dẫn quy trình đăng ký giá, kê khai giá cho các đối tượng đăng ký giá, kê khai giá. Phối hợp với các cơ quan kiểm tra việc thực hiện quy định này.

6. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục đăng ký giá, kê khai giá có trách nhiệm thực hiện việc đăng ký giá, kê khai giá. Công bố công khai thông tin về giá và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đúng đắn đối với các mức giá đã đăng ký, kê khai.

7. Trong quá trình thực hiện, nếu có gì vướng mắc; các ngành, các cấp, các doanh nghiệp, cá nhân phản ánh về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**  
**CHỦ TỊCH**  
**Mai Tiến Dũng**

**Phụ lục 1**  
**DANH MỤC HÀNG HÓA, DỊCH VỤ THỰC HIỆN ĐĂNG KÝ GIÁ**

Đăng ký giá là việc các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh phải đăng ký mức giá bán hàng hóa, dịch vụ do mình quyết định theo quy định bắt buộc và thường xuyên cả khi các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh quyết định giá hoặc điều chỉnh giá trong điều kiện giá thị trường có biến động bất thường và khi giá cả vận động bình thường đối với các loại hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục đăng ký giá.

Việc đăng ký giá được thực hiện trước khi các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh bán sản phẩm lần đầu sản xuất, kinh doanh ra thị trường; trước khi điều chỉnh giá các sản phẩm đã sản xuất, kinh doanh và đang bán bình thường thuộc danh mục phải đăng ký giá hoặc khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

**I. DANH MỤC DO CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH:**

*(Theo quy định tại Nghị định số 75/2008/NĐ-CP ngày 09/6/2008 của Chính phủ và Thông tư số 122/2010/TT-BTC ngày 12/8/2010 của Bộ Tài chính).*

1. Xăng, dầu;
2. Xi măng;
3. Thép xây dựng;
4. Khí dầu mỏ hóa lỏng-LPG;
5. Phân bón hóa học;
6. Thuốc bảo vệ thực vật;;
7. Thuốc thú y: Thuốc thú y: vac xin lở mồm long móng; vac xin cúm gia cầm; các loại kháng sinh: Oxytetracycline, Ampicilline, Tylosin, Enrofloxacin;
8. Muối ăn do các doanh nghiệp kinh doanh đăng ký;
9. Sữa bột cho trẻ em dưới 6 tuổi; sữa pha chế theo công thức dạng bột dành cho trẻ em dưới 6 tuổi.
10. Đường ăn: đường trắng và đường tinh luyện;
11. Thóc, gạo do các doanh nghiệp kinh doanh đăng ký;
12. Cước vận chuyển hành khách bằng đường sắt loại ghế ngồi cứng;
13. Thức ăn chăn nuôi gia súc:
  - Ngô, đậu tương, khô dầu đậu tương do các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh thức ăn chăn nuôi đăng ký.
  - Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh, thức ăn đậm đặc dùng cho chăn nuôi lợn thịt và gà thịt.
  - Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng để nuôi cá tra, cá ba sa (số 5) có khối lượng từ 200g/con đến 500g/con.
  - Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng để nuôi tôm sú (số 5) có khối lượng từ 10g/con đến 20g/con.
14. Than.
15. Sách giáo khoa.

16. Giấy: giấy in, giấy in báo, giấy viết.

17. Dịch vụ bưu chính viễn thông theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông tại Thông tư số 02/2007/TT-BTTTT ngày 13/12/2007.

**II. DANH MỤC DO UBND TỈNH QUY ĐỊNH:**

(Đối tượng đăng ký là các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh)

1. Dầu ăn.
2. Mỳ ăn liền và các sản phẩm tương đương.
3. Tấm lợp các loại.
4. Gạch đất nung, đá xây dựng.
5. Dịch vụ lưu trú.

**Phụ lục 2**  
**DANH MỤC HÀNG HÓA, DỊCH VỤ THỰC HIỆN KÊ KHAI GIÁ**

Kê khai giá là việc các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh phải kê khai mức giá bán hàng hóa, dịch vụ do mình quyết định theo quy định bắt buộc và thường xuyên đối với các loại hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục phải kê khai giá khi giá thị trường có biến động bất thường và khi giá thị trường vận động bình thường.

Việc kê khai giá được thực hiện trước khi các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh bán sản phẩm lần đầu sản xuất, kinh doanh ra thị trường; trước khi điều chỉnh giá các sản phẩm đã sản xuất, kinh doanh và đang bán bình thường thuộc danh mục phải kê khai giá hoặc khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

**I. DANH MỤC DO CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH:**

*(theo quy định tại Nghị định số 75/2008/NĐ-CP ngày 09/6/2008 của Chính phủ và Thông tư số 122/2010/TT-BTC ngày 12/8/2010 của Bộ Tài chính).*

1. Vật liệu nổ công nghiệp;
2. Dịch vụ cảng biển theo danh mục trong Biểu giá dịch vụ cảng biển do tổ chức, cá nhân cung ứng dịch vụ cảng biển ban hành;
3. Dịch vụ tại cảng hàng không sân bay theo danh mục trong Biểu giá dịch vụ cảng hàng không do Giám đốc cảng hàng không, sân bay ban hành;
4. Giá vé máy bay trên các đường bay nội địa thuộc danh mục Nhà nước quy định khung giá;
5. Cước vận tải bằng ô tô;
6. Thuốc phòng, chữa bệnh cho người theo quy định tại Thông tư liên tịch của Liên Bộ Y tế - Bộ Tài chính - Bộ Công Thương hướng dẫn thực hiện quản lý nhà nước về giá thuốc phòng, chữa bệnh cho người.

**II. DANH MỤC DO UBND TỈNH QUY ĐỊNH:**

*(Đối tượng kê khai là các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh)*

1. Xe máy nhập khẩu, sản xuất trong nước.
2. Ô tô nhập khẩu, sản xuất trong nước.

**Phụ lục 3**  
**BIỂU MẪU ĐĂNG KÝ GIÁ**

**Tên đơn vị  
thực hiện đăng ký giá**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

....., ngày .....tháng ..... năm.....

Kính gửi: .....(Tên cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu đăng ký giá)

Thực hiện quy định tại Thông tư số 122/2010/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 104/2008/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Giá, Nghị định số 75/2008/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2008 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 170/2003/NĐ-CP .....,

... (tên đơn vị đăng ký) gửi Biểu mẫu đăng ký giá ..... gồm các văn bản và nội dung sau:

1. Bảng đăng ký mức giá bán cụ thể.

2. Giải trình lý do điều chỉnh giá (trong đó có việc tính mức giá cụ thể áp dụng theo các hướng dẫn, quy định về Quy chế tính giá do cơ quan có thẩm quyền ban hành).

Mức giá bán đăng ký này thực hiện từ ngày ... / ... /.....

... (tên đơn vị đăng ký) xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đúng đắn của mức giá mà chúng tôi đã đăng ký./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu:

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

(Ký tên, đóng dấu)

**Ghi nhận ngày nộp Biểu mẫu đăng ký giá  
của cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu đăng ký giá**

(Cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu đăng ký giá ghi ngày, tháng, năm  
nhận được Biểu mẫu đăng ký giá và đóng dấu công văn đến)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**BẢNG ĐĂNG KÝ MỨC GIÁ BÁN CỤ THỂ**  
(Kèm theo công văn số.....ngày.....tháng.....năm.....của Công ty.....)

Đăng ký giá (nhập khẩu, bán buôn, bán lẻ):.....cụ thể như sau:

[illegible]

Tên đơn vị thực hiện  
đăng ký giá

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng.....năm .....

**GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ  
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ ĐĂNG KÝ GIÁ**

(Kèm theo công văn số.....ngày.....tháng.....năm.....của.....)

Tên hàng hóa, dịch vụ: .....

Đơn vị sản xuất, kinh doanh: .....

Quy cách phẩm chất: .....

**BẢNG GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ**

| STT      | Khoản mục chi phí                       | Số tiền<br>(đ) | Tỷ lệ (%) tăng,<br>giảm so với lần<br>đăng ký trước liền<br>kề |
|----------|-----------------------------------------|----------------|----------------------------------------------------------------|
| <b>1</b> | <b>Chi phí sản xuất (*)</b>             |                |                                                                |
|          | Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp |                |                                                                |
|          | Chi phí nhân công trực tiếp             |                |                                                                |
|          | Chi phí sản xuất chung                  |                |                                                                |
| <b>2</b> | <b>Chi phí bán hàng</b>                 |                |                                                                |
| <b>3</b> | <b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>     |                |                                                                |
|          | <b>Tổng giá thành toàn bộ</b>           |                |                                                                |
| <b>4</b> | <b>Lợi nhuận dự kiến</b>                |                |                                                                |
|          | <b>Giá bán chưa thuế</b>                |                |                                                                |
| <b>5</b> | <b>Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)</b>  |                |                                                                |
| <b>6</b> | <b>Thuế giá trị gia tăng (nếu có)</b>   |                |                                                                |
|          | <b>Giá bán (đã có thuế)</b>             |                |                                                                |

(\*) Ghi chú: Đối với trường hợp hàng hoá nhập khẩu thì mục này là Giá vốn nhập đã bao gồm thuế nhập khẩu.

**Phụ lục 4**  
**BIỂU MẪU KÊ KHAI GIÁ**

**Tên đơn vị thực hiện  
kê khai giá**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số ...../.....  
V/v kê khai giá

....., ngày ... tháng ... năm .....

Kính gửi: ....(tên cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu kê khai giá....)

Thực hiện quy định tại Thông tư số 122/2010/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 104/2008/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Giá, Nghị định số 75/2008/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2008 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ...,

... (tên đơn vị kê khai giá) gửi Bảng kê khai mức giá hàng hoá, dịch vụ (đính kèm).

Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày .../... / .....

... (tên đơn vị kê khai giá) xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đúng đắn của mức giá mà chúng tôi đã kê khai./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu:

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

(Ký tên, đóng dấu)

**Ghi nhận ngày nộp Biểu mẫu kê khai giá của cơ quan tiếp nhận**

(Cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu kê khai giá ghi ngày, tháng, năm  
nhận được Biểu mẫu kê khai giá và đóng dấu công văn đến)

Tên đơn vị  
thực hiện kê khai giá

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày      tháng      năm .....

**BẢNG KÊ KHAI MỨC GIÁ CỤ THỂ**  
(Kèm theo công văn số.....ngày.....tháng.....năm.....của.....)

1. Mức giá kê khai:

| STT | Tên hàng hóa, dịch vụ | Quy cách, chất lượng | Đơn vị tính | Mức giá kê khai hiện hành | Mức giá kê khai mới | Ghi chú |
|-----|-----------------------|----------------------|-------------|---------------------------|---------------------|---------|
|     |                       |                      |             |                           |                     |         |
|     |                       |                      |             |                           |                     |         |
|     |                       |                      |             |                           |                     |         |
|     |                       |                      |             |                           |                     |         |
|     |                       |                      |             |                           |                     |         |
|     |                       |                      |             |                           |                     |         |
|     |                       |                      |             |                           |                     |         |
|     |                       |                      |             |                           |                     |         |
|     |                       |                      |             |                           |                     |         |
|     |                       |                      |             |                           |                     |         |
|     |                       |                      |             |                           |                     |         |
|     |                       |                      |             |                           |                     |         |
|     |                       |                      |             |                           |                     |         |
|     |                       |                      |             |                           |                     |         |

2. Phân tích nguyên nhân điều chỉnh tăng/giảm giá kê khai của từng mặt hàng.

.....  
.....  
.....  
.....